TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 590/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 710 ấp 5, tỉnh lộ 15, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 1043 đường P, làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2017 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/6/2015. Trong thời gian chung sống từ những ngày đầu chị và anh N đã không hạnh phúc, nguyên nhân do anh N không chung thủy, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Từ tháng 8/2016 cho đến nay chị và anh N đã sống ly thân, anh N đến thành phố P, tỉnh Gia Lai sống và làm ăn, còn chị sống tại huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa và bản thân chị cũng không còn tình cảm gì với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn N.

- *Về con chung:* Chị và anh Phạm Văn N có 01 (một) con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/8/2015. Hiện nay, cháu Đ đang sống với chị và bản thân cháu cũng đang còn nhỏ nên chị có nguyện vọng được nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị không yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị và anh Phạm Văn N không có tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị L không yêu cầu gì.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Phạm Văn N. Tuy nhiên, anh N không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh N không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đảm bảo, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thụ lý và xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn N. Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/8/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện ly hôn anh Phạm Văn N và yêu cầu được nuôi con. Bị đơn anh Phạm Văn N đang cư trú tại làng B, phường Y, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Do vậy, đây là vụ án kiện *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là anh Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh N tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh N vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn N.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/6/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thị L trình bày: *"Trong thời gian chung sống từ những ngày đầu chị và anh N đã không hạnh phúc, nguyên nhân do anh N không chung thủy, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Từ tháng 8/2016 cho đến nay chị và anh N đã sống ly thân, anh N đến thành phố P, tỉnh Gia Lai sống và làm ăn, còn chị sống tại huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không quan tâm đến nhau".*

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N là có thật nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được.

Đối với anh Phạm Văn N đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục để anh tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L nhưng anh N đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không; đến nay thì chị Nguyễn Thị L khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh N nữa nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị L về việc ly hôn anh N là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn N có 01 (một) con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/8/2015.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu được nuôi con. Xét thấy yêu cầu được nuôi con của chị L là chính đáng vì từ khi sinh con cho đến nay, chị L là người chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ngoài ra cháu Đ chưa được 36 tháng tuổi. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Nguyễn Thành Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị L, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn N không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10, 28, 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/8/2015 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ***(Ba trăm ngàn đồng)***, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003549 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Như Phượng